TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99 /2025/HS-ST
Ngày 31-12-2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Ngọc Mai Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đức Hiền

Ông Nguyễn Ngọc Châu

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hữu Long – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 10 - Đồng Nai tham gia phiên toà: Ông Phạm Quốc Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tòa án nhân dân khu vực 10 – Đồng Nai xét xử trực tiếp công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ L5 số: 89/2025/TLST-HS ngày 10 tháng 12 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2025/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2025 đối với bị cáo:

Trần Đức B’, sinh năm 2001, tại Đồng Nai. Tên gọi khác: Không

Nơi thường trú: ấp 2, xã H1, tỉnh Đồng Nai. Nơi ở hiện tại: khu phố P1, phường B3, tỉnh Đồng Nai. Nghề nghiệp: Shipper giao hàng nhanh; Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; con ông Trần Đức T7, sinh năm 1964 và bà Trần Thị T8, sinh năm 1970; bị cáo chưa có vợ, con; Bị cáo có 03 anh em ruột, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất là bị cáo.

Tiền án tiền sự: không.

Ngày 22/7/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội Cướp giật tài sản. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực Hớn Quản từ ngày 17/7/2025 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

Bị hại:

Bà Mai Thị L5, sinh năm 1946 (Vắng mặt, có đơn)

Địa chỉ: Tổ 01, ấp A1, xã Q3, tỉnh Đồng Nai

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Vũ Đình Đại, sinh năm 1983 (Vắng mặt, có đơn)

Địa chỉ: Khu phố P’, phường B3, tỉnh Đồng Nai

2. Ông Trần Trung Kiên, sinh năm 1985 (Vắng mặt, có đơn)

Địa chỉ: Khu phố P'', phường B3, tỉnh Đồng Nai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Đức B' là nhân viên Bưu cục chuyển phát nhanh BEST Express. Khoảng 18 giờ ngày 15/7/2025, B' điều khiển xe mô tô biển số 93F1-261.56, loại xe Wave Blade, nhãn hiệu Honda đi từ phường B3 vào khu vực ấp A1, xã Q3 để giao hàng. Khi B' đang đi trên đường thì trời mưa nên B' dừng xe mô tô trước nhà bà Mai Thị L5, sinh năm 1946, tại tổ 1, ấp A1, xã Q3, tỉnh Đồng Nai để đi vào nhà bà L5 trú mưa. Sau khi trời tạnh mưa, B' tiếp tục đi giao hàng, trên đường đi B' nảy sinh ý định giật sợi dây chuyền vàng của bà L5 đang đeo trên cổ nên B' điều khiển xe mô tô quay lại nhà bà L5. B' điều khiển xe mô tô chạy quay lại nhà bà L5, B' dừng xe mô tô trên đường bê tông, rồi đi bộ vào nhà bà L5, cách chỗ dừng xe mô tô khoảng 40m. Khi B' đến nhà bà L5, bà L5 đang nằm trên võng gần cửa nhà bếp. Nhìn thấy B', bà L5 đứng dậy đi lên ghế ngồi nói chuyện qua lại với B', rồi B' đi lại gần bên hông phải của bà L5, cách bà L5 khoảng 70cm, liền dùng tay trái giật lấy sợi dây chuyền vàng đang đeo trên cổ của bà L5, làm sợi dây chuyền vàng đứt ra thành 02 đoạn, B' cầm 01 đoạn sợi dây chuyền dài khoảng 26cm bỏ vào túi quần bên trái, đồng thời nhanh chóng chạy đến vị trí xe mô tô rồi điều khiển xe tẩu thoát.

Đến khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày, B' đến tiệm vàng Kim Lan thuộc khu phố Phú Bình, phường B3, tỉnh Đồng Nai do ông Trần Trung Kiên làm chủ, tại đây B' bán cho bà Trương Thị Mỹ H2 là nhân viên của tiệm vàng Kim Lan đoạn dây chuyền vàng có trọng lượng 1,18 chỉ đã giựt được của bà L5 với số tiền 12.000.000 (Mười hai triệu) đồng. Sau khi bán đoạn dây chuyền vàng, B' điều khiển xe mô tô đi về bưu cục trả cho bà Nguyễn Phạm Thu Tr là nhân viên tổng hợp bưu cục số tiền 2.134.000 (Hai triệu một trăm ba mươi bốn nghìn) đồng, đây là tiền hàng B' nợ bưu cục trước đó. B' tiếp tục đi đến tiệm điện thoại của ông Phạm Anh Thi, sinh năm: 1974, HKTT: khu phố G, phường B3, tỉnh Đồng Nai có dịch vụ chuyển tiền để yêu cầu ông Thi chuyển số tiền 4.000.000 (Bốn triệu) đồng vào tài khoản số 0399123084, Ngân hàng Bản Việt của B', tiền phí dịch vụ chuyển là 30.000 (Ba mươi nghìn) đồng, B' trả tiền mặt hết 4.030.000 (Bốn triệu không trăm ba mươi nghìn) đồng, còn lại số tiền 5.836.000 (Năm triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn) đồng.

Đến sáng ngày 16/7/2025, B' điều khiển xe mô tô biển số 93F1-261.56 đi giao hàng cho khách, B' mang theo số tiền 5.836.000 (Năm triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn) đồng, B' nhận tiền trả hàng của khách qua tài khoản 0399123084

của B’, trong đó có khoảng 03 khách hàng có nhu cầu chuyển khoản để lấy tiền mặt, tổng số tiền mà B’ sử dụng trả cho khách hàng hết 1.536.000 (Một triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn) đồng, còn lại số tiền 4.300.000 (Bốn triệu ba trăm nghìn) đồng.

Đến khoảng 10 giờ 30 phút ngày 16/7/2025, bà Mai Thị L5 đến Công an xã Q3 trình báo sự việc. Ngay sau khi tiếp nhận tin báo của bà L5, Công an xã Q3 đã mới B’ về trụ sở làm việc. Tại Cơ quan điều tra, Trần Đức B’ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 441/KL-HĐĐGTS ngày 24/9/2025 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự tỉnh Đồng Nai kết luận: Sợi dây chuyền vàng loại mắt xích, trọng lượng 03 chỉ, loại vàng 98% của bà Mai Thị L5 bị chiếm đoạt ngày 15/7/2025 có trị giá 30.600.000 (Ba mươi triệu sáu trăm nghìn) đồng.

Cáo trạng số: 29/CT-VKS ngày 09/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Đồng nai truy tố Trần Đức B’ về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên Quyết định truy tố như cáo trạng, căn cứ tính chất mức độ phạm tội đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025: Tuyên bố bị cáo Trần Đức B’ phạm tội Cướp giật tài sản; xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 171, Điều 38, Điều 50, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025 đề nghị Hội đồng xét xử xử:

Xử phạt bị cáo Trần Đức B’ từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Đề nghị Hội đồng xét xử xử L5 vật chứng và vấn đề liên quan theo cáo trạng truy tố.

Tại phiên toà: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Đồng Nai đã truy tố và không có tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến gì khác.

Lời nói sau cùng, bị cáo đã nhận thấy hành vi của mình là sai trái và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, Toà án nhân dân khu vực 10 – Đồng Nai, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt: bị hại bà L5 đã có lời khai trong hồ sơ vụ án và về vấn đề dân sự bà L5 đã nhận lại được tài sản, không có yêu cầu gì khác; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã có lời khai và không có yêu cầu gì đối với bị cáo. Nên việc vắng mặt bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại về thời gian, địa điểm và quá trình thực hiện tội phạm, phù hợp với các tài liệu chứng cứ, vật chứng có trong hồ sơ vụ án đã thu thập được. Nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 15/7/2025 tại ấp A1, xã Q3, tỉnh Đồng Nai, Trần Đức B’ đi vào nhà bà Mai Thị L5, sinh năm 1946 (79 tuổi). Tại đây, Trần Đức B’ đã tiếp cận bà L5 và thực hiện hành vi giật sợi dây chuyền vàng, loại hình mắt xích có trọng lượng 03 chỉ của bà L5 đang đeo trên cổ, làm sợi dây chuyền vàng đứt thành hai đoạn, B’ chiếm đoạt được một đoạn dài 26 cm, có trọng lượng 01 chỉ 18 phân, rồi nhanh chóng chạy ra vị trí xe B’ đã dựng trước đó tẩu thoát. Sau đó, B’ mang đoạn sơi dây chiếm đoạt bán cho tiệm vàng Kim Lan được số tiền 12.000.000 (Mười hai triệu) đồng. Tại kết luận định giá tài sản, sơi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, loại hình mắc xích có trọng lượng 03 chỉ, hàm lượng 98% của bà L5, tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị 30.600.000 (Ba mươi triệu sáu trăm nghìn) đồng. Mặt khác, khi B’ thực hiện hành vi giật sợi dây chuyền của bà L5, bà L5 là người già yếu (trên 70 tuổi). Do đó, hành vi của B’ đã đủ yếu tố cấu thành tội Cướp giật tài sản được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Đồng Nai truy tố bị cáo Trần Đức B’ về tội: “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện cho thấy bị cáo có thái độ không chấp hành pháp luật. Chỉ vì muốn có tiền tiêu xài, mà bị cáo đã không làm chủ được hành vi của mình, nảy sinh lòng tham lợi dụng sơ hở của chủ tài sản, giật lấy sợi dây chuyền vàng đang đeo trên cổ của bị hại. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đồng thời còn có khả năng gây nguy hiểm đến sức khỏe của người khác, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần phải có mức án tương xứng với hành vi phạm tội và hậu quả của bị cáo gây ra, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội, đồng thời đảm báo tính răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Trần Đức B’ có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 54 của Bộ luật hình sự, xử dưới mức khung hình phạt của Điều luật quy định đối với bị cáo Trần Đức B’.

[6] Đối với bà Trương Thị Mỹ H2 nhân viên tiệm vàng Kim Lan khi mua vàng của B’, không biết vàng B’ bán là tài sản B’ phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử L5.

[7] Vật chứng vụ án:

Đối với số tiền 12.000.000 (Mười hai triệu) đồng bị cáo B’ bán đoạt dây chuyền vàng giựt của bà L5, đây là tiền do phạm tội mà có, cần tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại được tài sản và không có yêu cầu gì khác. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận được bồi thường, không ai có yêu cầu gì khác, Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Đồng Nai về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh:

Tuyên bố bị cáo Trần Đức B’ phạm tội “Cướp giật tài sản”.

2. Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 171; Điều 38, Điều 50, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2025.

Xử phạt bị cáo Trần Đức B’ hình phạt 02 (hai) năm tù, thời hạn tính từ ngày 17/7/2025.

3. Xử L5 vật chứng vụ án:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền số tiền 12.000.000 (Mười hai triệu) đồng, do bị cáo phạm tội mà có.

(Chứng từ giao dịch về việc chuyển tiền vật chứng ngày 17/12/2025 ký hiệu FX/25, số chứng từ 12170042000000034)

4. Án phí: căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự ; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, nộp, quản L5 và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Đức B’ phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 10 – Đồng Nai;
- Phòng HSNV CA tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan cảnh sát điều tra CA tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 - Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VT (11 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊNTÒA

Trần Ngọc Mai Phương